

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/7/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên và Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985. Nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh L : Ông Nguyễn Thanh H - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư BC. Địa chỉ: Số nhà 2, khu 1, phường K, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Xã Q, huyện M, tỉnh Hải Dương. Hiện lao động tại Nhật Bản. Vắng mặt.

Người được chị X ủy quyền giao và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án : Ông Nguyễn Khắc C, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện M, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X kết hôn vào ngày 08/10/2012 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh L và chị X sống tại thôn T, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm, cách sống không hợp nhau, không có sự gắn kết, chia sẻ. Năm 2016, chị X đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không liên lạc và quan tâm đến nhau. Đến nay, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L được ly hôn chị X. Anh L chỉ biết chị X lao động tại Nhật Bản, không biết địa chỉ cụ thể như thế nào.

Về quan hệ con chung: Anh L và chị X có một con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 14/8/2013, hiện đang ở cùng bố mẹ chị X. Nguyên vọng của anh L xin được nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng chị X đưa ra là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh L không cung cấp được địa chỉ của chị X tại Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình chị X cung cấp địa chỉ của chị X. Ông Nguyễn Khắc C (bố đẻ chị X) trình bày: Ông chỉ biết chị X lao động tại Nhật Bản, không biết địa chỉ cư trú cụ thể của chị X ở đâu, nhưng chị X vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại về nhà. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án giao, ông đã thông báo bằng điện thoại cho chị X biết.

Ngày 25/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận được đơn đề nghị của chị X gửi về từ Nhật Bản.

Chị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2012 tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình vợ chồng chị chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về tình cảm, kinh tế. Nay anh L xin ly hôn thì chị nhất trí vì chị không còn tình cảm yêu thương anh L. Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 14/8/2013. Do hiện nay chị đang ở nước ngoài, chưa có điều kiện về nước để trực tiếp chăm sóc cháu nên chị đề nghị giao cháu M cho anh L nuôi dưỡng, chị sẽ đóng góp tiền nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung nhưng hiện nay chị chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Khi nào chị về nước, nếu chị và anh L không thỏa thuận phân chia được thì chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Do không về nước được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt, chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Khắc C nhận các văn bản, tài liệu của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tại Kết luận giám định số 09/KLGD ngày 09/6/2020, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ ký dạng chữ viết đứng tên Nguyễn Thị X trên Đơn đề nghị với chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Tại Công văn số 4771/QLXNC-P5 ngày 06/4/2020, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an cung cấp: Chị Nguyễn Thị X đã xuất cảnh ngày 24/11/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại biên bản xác minh, đại diện lãnh đạo xã Q cùng Tư pháp xã, đại diện thôn C đều xác nhận khoảng giữa năm 2019, chị X đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, anh L và chị X không tin tưởng nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã Q đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Trà M (là con chung của anh L, chị X) cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng vì chị X hiện đang lao động tại nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh L ly hôn chị X. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 14/8/2013 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị X cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Về án phí: Anh L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, chị X phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị X là người Việt Nam hiện đang sinh sống ở Nhật Bản, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Tại phiên tòa, anh L, chị X và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh L đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị X tự nguyện kết hôn và được UBND xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/01/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của anh L và chị X, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của bố mẹ chị X và bố anh L có căn cứ xác định trong cuộc sống anh L và chị X có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không tin tưởng nhau. Anh L và chị X đều xác định không còn tình cảm yêu thương nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh L, xử cho anh L ly hôn chị X.

[4] Về quan hệ con chung: Cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 14/8/2013 là con chung của anh L và chị X, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L được nuôi con, chị X cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh L có công việc và thu nhập, đủ điều kiện nuôi con, còn chị X đang lao động ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con. Do đó, cần giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của cháu, chị X cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị X đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí, lệ phí: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chị X cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy

định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về lệ phí giám định: Anh L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giám định là 4.000.000đ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L, xử cho anh Nguyễn Văn L ly hôn chị Nguyễn Thị X.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 14/8/2013 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị X cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 7 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị X chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí, lệ phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002096 ngày 11/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

Chấp nhận sự tự nguyện của anh L chịu 4.000.000đ lệ phí giám định (đã nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh